

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2018/QĐDS- ST

Ngày 13 - 3 - 2018

V/v tuyên bố một người mất tích

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Sơn Thị Nhân

Thư ký phiên họp: Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên họp: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 27/2017/TLST- DS ngày 14 tháng 8 năm 2017 về yêu cầu tuyên bố một người mất tích theo Quyết định mở phiên họp số: 98/2018/QĐPH-ST ngày 23 tháng 02 năm 2018.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Đoàn Hồng T, sinh năm 1966; nơi cư trú: Phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Người bị yêu cầu: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1981; nơi cư trú cuối cùng: Phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Toà án nhân dân quận K tuyên bố bà Phạm Thị T, sinh năm 1981; nơi cư trú cuối cùng: Phường N, quận K, thành phố Hải Phòng bị mất tích.

- Mục đích yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố bà Phạm Thị T bị mất tích: làm thủ tục xin ly hôn với bà Thẩm.

- Căn cứ của việc yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề nêu trên: Việc bà T bỏ nhà đi không có tin tức gì gây ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình.

- Về con chung: Ông Đoàn Hồng T và bà Phạm Thị T có 01 con chung là: Đoàn Thị Thu P, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2001, ông Đoàn Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về áp dụng quản lý tài sản: Ông Đoàn Hồng T không yêu cầu Toà án áp dụng quản lý tài sản của bà T.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

1. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nơi cư trú cuối cùng của bị đơn bỏ đi tại: Phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; nguyên đơn có đơn yêu cầu tuyên bố bà Phạm Thị T bị mất tích, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng theo Điều 27; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về yêu cầu giải quyết tuyên bố một người bị mất tích: Ông Đoàn Hồng T và bà Phạm Thị T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận K, thành phố Hải Phòng (theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 quyền số 01/2001 ngày 16 tháng 5 năm 2011). Theo bản tự khai của ông Đoàn Hồng T và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Bà Phạm Thị T bỏ nhà đi từ năm 2006 cho đến nay không có tin tức gì. Bản thân ông Đoàn Hồng T, hai bên gia đình và chính quyền địa phương không biết bà Phạm Thị T hiện ở đâu, làm gì và không có tin tức gì.

Tòa án nhân dân quận K đã thực hiện việc ra Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích, ông Đoàn Hồng T cũng đã thực hiện các biện pháp thông báo tìm kiếm như đăng tin trên báo, Đài truyền hình theo quy định của pháp luật (được quy định tại Điều 384, Điều 385 Bộ luật Tố tụng dân sự). Tuy nhiên đến thời điểm Tòa án nhân dân mở phiên họp vẫn không có tin tức gì về bà Phạm Thị T.

Như vậy có đủ cơ sở xác định bà Phạm Thị T đã bỏ nhà đi từ năm 2006, nơi cuối cùng mà bà Phạm Thị T bỏ nhà đi tại phường N, quận K, thành phố Hải Phòng cho đến nay là hơn 10 năm mà không có tin tức xác thực về việc bà Phạm Thị T còn sống hay đã chết, vì vậy đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Phạm Thị T bị mất tích của ông Đoàn Hồng T là có cơ sở theo Điều 387 Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định bà Phạm Thị T bị mất tích theo Điều 389 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về con chung: Ông Đoàn Hồng T và bà Phạm Thị T có 01 con chung là: Đoàn Thị Thu P, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2001, hiện nay cháu P đang ở cùng ông Đoàn Hồng T, ông Đoàn Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về áp dụng biện pháp quản lý tài sản của bà Phạm Thị T: Ông Đoàn Hồng T không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết việc dân sự tại phiên họp: Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Đoàn Hồng T, đề nghị Tòa án tuyên bố bà Phạm Thị T bị mất tích; về áp dụng biện pháp quản lý tài sản của bà Phạm Thị T: Ông Đoàn Hồng T yêu cầu nên không xem xét; về lệ phí: Ông Đoàn Hồng T phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 27; khoản 2 Điều 146; Điều 370; Điều 372; Điều 389 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 68; Điều 69 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ: Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016;

1. Tuyên bố bà Phạm Thị T bị mất tích.

2. Về con chung: Ông Đoàn Hồng T và bà Phạm Thị T có 01 con chung là: Đoàn Thị Thu P, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2001, hiện nay cháu P đang ở cùng ông Đoàn Hồng T, ông Đoàn Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về áp dụng biện pháp quản lý tài sản của bà Phạm Thị T: Ông Đoàn Hồng T không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Đoàn Hồng T phải nộp 300.000 đồng, ông Trường đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003390 ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng, ông Đoàn Hồng T đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Đoàn Hồng T là 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định.

Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THA Dân sự K;
- Các đương sự;
- UBND phường N;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Sơn Thị Nhân

Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: ²⁸

Nơi nhận:

(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi quyết định theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án).

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 93-DS

- (1) Ghi tên Tòa án ra Quyết định giải quyết việc dân sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện A thuộc tỉnh B), nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên).
- (2) Ô thứ nhất ghi số Quyết định, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định, ô thứ ba ghi ký hiệu loại Quyết định, nếu là Quyết định sơ thẩm thì ghi “Số:10/2017/QĐDS-ST”, nếu là Quyết định phúc thẩm thì ghi “Số:10/2017/QĐDS-PT”.
- (3) Ghi ngày, tháng, năm ra quyết định, không phân biệt phiên họp giải quyết việc dân sự diễn ra trong một buổi hay nhiều buổi.
- (4) Ghi trích yếu nội dung của Quyết định, ví dụ: “Tuyên bố một người mất tích”, “Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự”,...
- (5) và (6) Ghi tên các Thẩm phán trong trường hợp theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự gồm có 3 Thẩm phán.
- (7) và (24) Ghi tên Tòa án giải quyết việc dân sự
- (8) Ghi tên Viện kiểm sát.

- (9) Ghi ngày, tháng, năm diễn ra phiên họp giải quyết việc dân sự.
- (10) Địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định).
- (11) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý việc dân sự (ví dụ: Số: 30/2017/TLST-DS).
- (12) Ghi trích yếu việc dân sự mà Tòa án giải quyết: Cần xác định việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại khoản, điều nào của Bộ luật tố tụng dân sự để ghi vào phần trích yếu của việc dân sự (ví dụ: Việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết là “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” được quy định tại khoản 3 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tuyên bố một người mất tích”).
- (13) Ghi rõ số, ký hiệu của Quyết định mở phiên họp, nếu là Quyết định mở phiên họp sơ thẩm thì ghi “Số:10/2017/QĐPH-ST”, nếu là Quyết định mở phiên họp phúc thẩm thì ghi “Số:10/2017/QĐPH-PT”.
- (14) Ghi rõ tên người yêu cầu, nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.
- (15) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.
- Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).
- Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).
- (16) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.
- (17) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).
- (18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).
- (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (16).
- (20) Ghi họ tên và địa chỉ của người làm chứng.
- (21) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú.
- (22) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú.
- (23) Ghi rõ những vấn đề mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn yêu cầu của người yêu cầu.
- (25) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn yêu cầu.
- (26) Ghi rõ những căn cứ pháp luật để ra quyết định.
- (27) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp.
- (28) Lưu ý: Chỉ ghi nội dung quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- (29) Phần cuối cùng của quyết định, trường hợp thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự là 1 Thẩm phán thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi quyết định theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án).

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trường hợp thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự là 3 Thẩm phán thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng giải quyết việc dân sự và đóng dấu (quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với quyết định để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi quyết định theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)